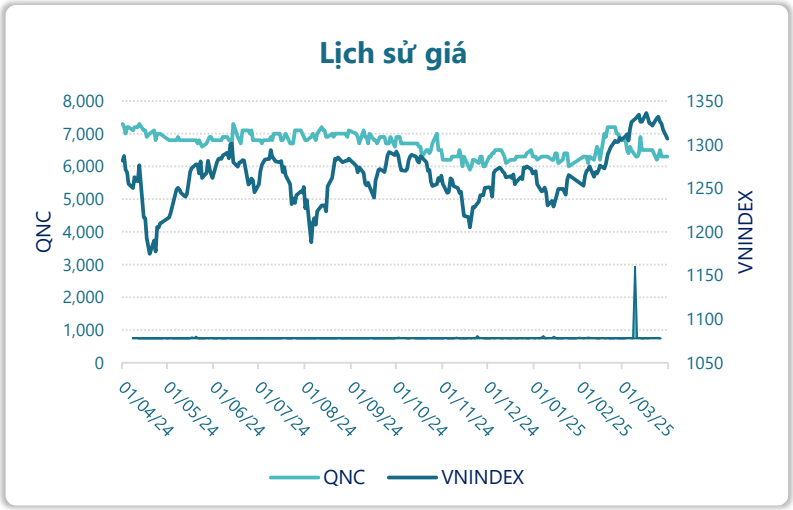
FireAnt

CTCP Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh (UPCOM: QNC)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**6,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,900
SL cổ phiếu LH	59,932,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,710
% sở hữu nước ngoài	15.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	378
P/E	9.4
EPS	672

DT thuần

Q1/25

399

tỷ VNĐ

QoQ: ▼72.0| -15.2%

YoY: ▲ 65.0| 19.5%

LN sau thuế

Q1/25

5.13

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.08| 1.5%

YoY: ▼0.05| -1.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

6.1%

+/- YoY: ▼ 4.0%

DT thuần

2024

1,613

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 192| 13.5%

LN sau thuế

2024

43.2

tỷ VNĐ

YoY: ▼35.3| -45.0%

ROE

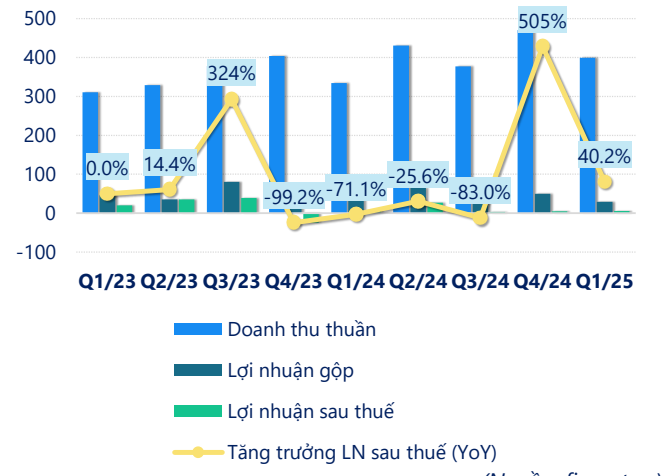
2024

6.5%

+/- YoY: ▼ 6.0%

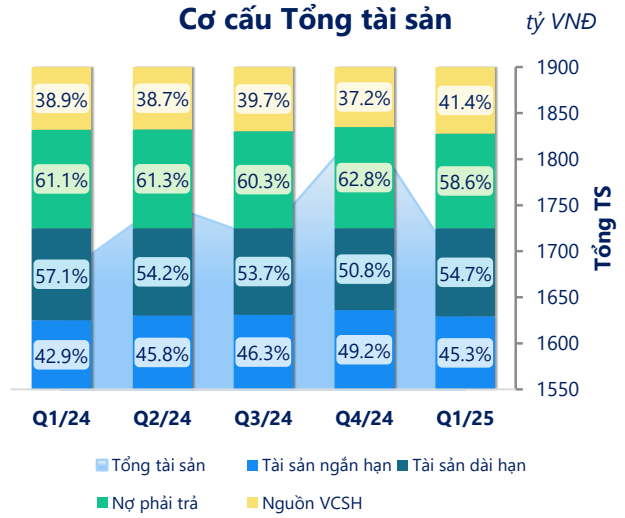
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



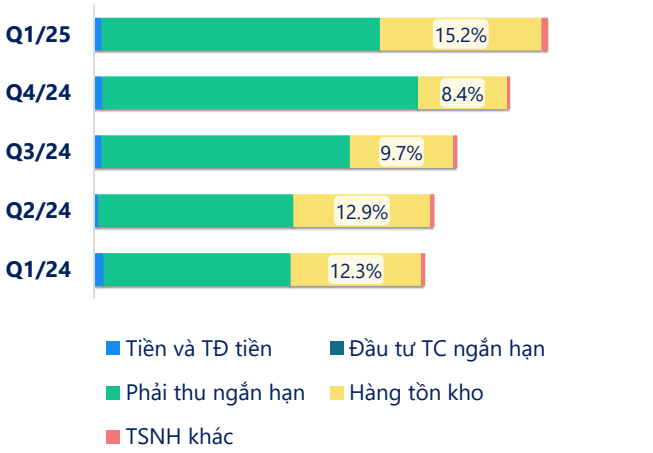
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



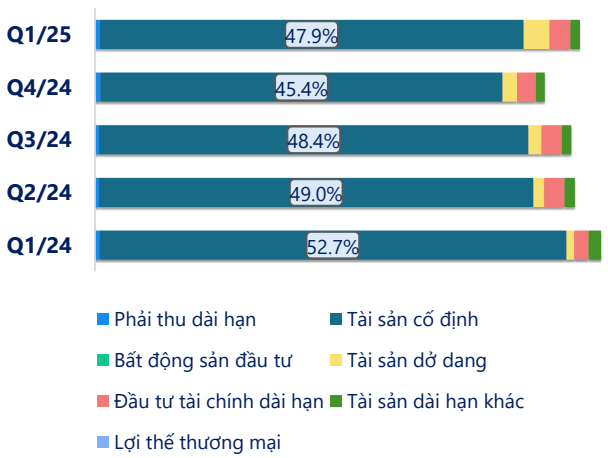
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



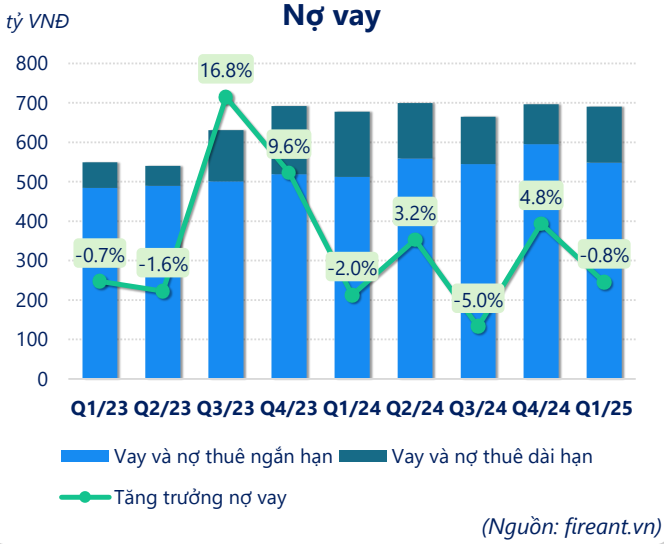
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



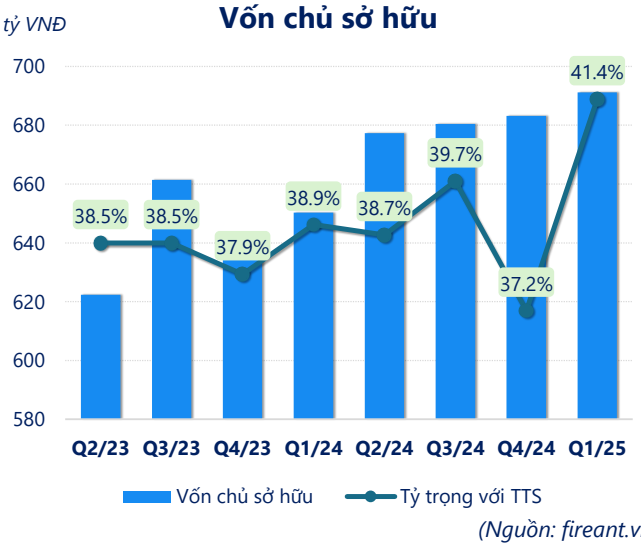
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



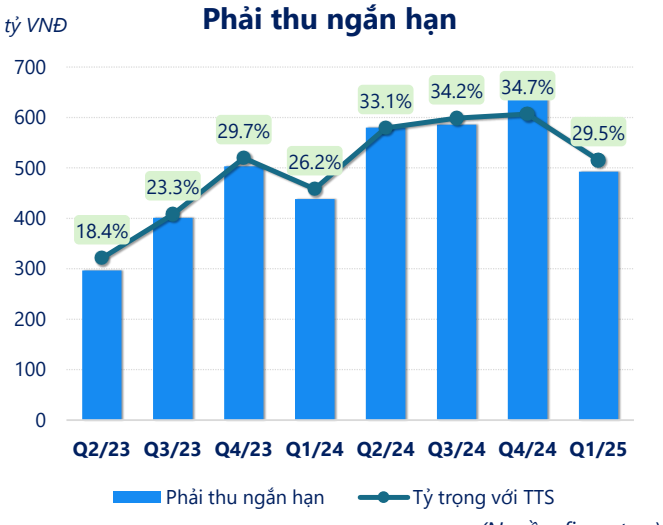
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



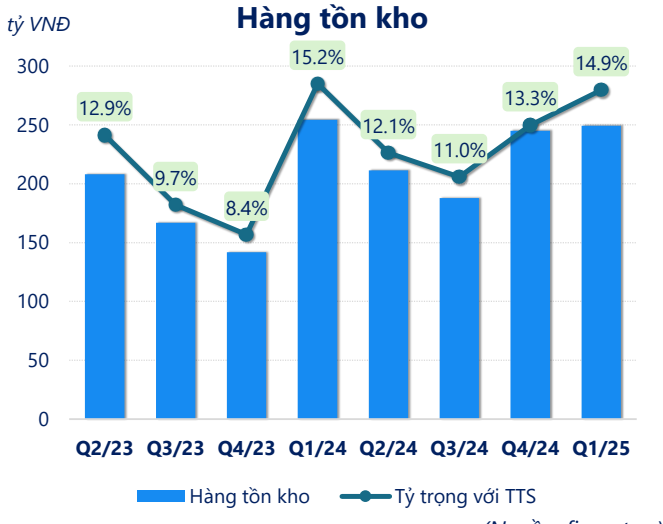
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



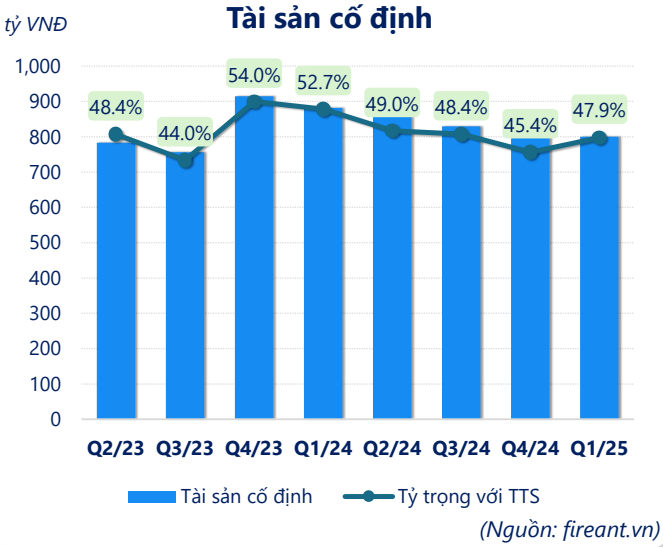
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



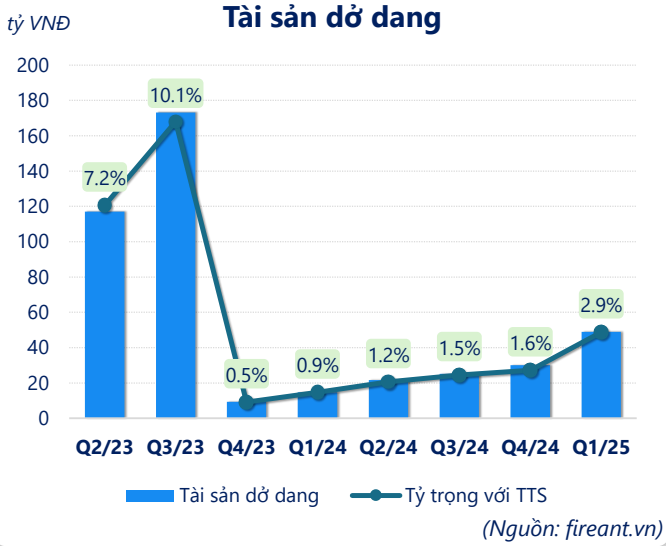
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



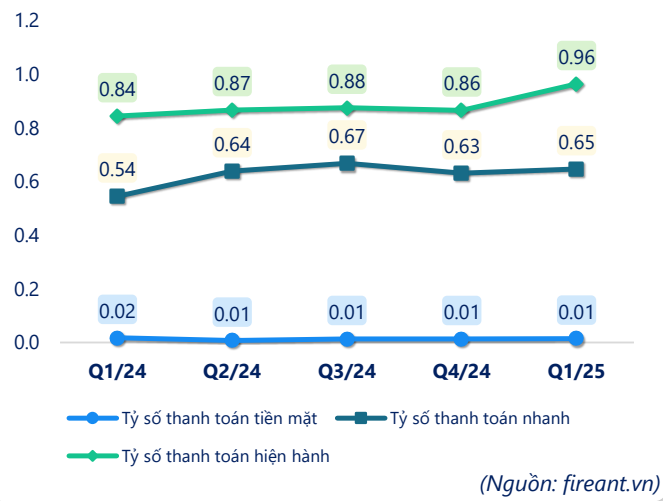
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



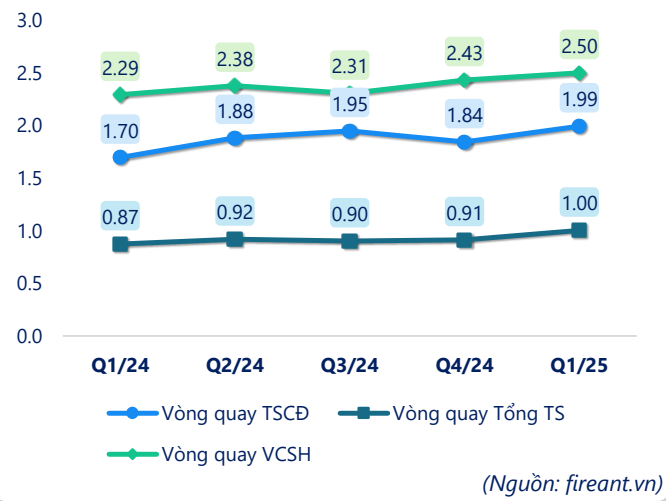
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**1,673**	**1,752**	**1,713**	**1,839**	**1,671**
Tài sản ngắn hạn	**718**	**803**	**792**	**905**	**757**
Tiền và tương đương tiền	15.0	6.91	12.4	14.1	11.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	2.50	2.50	2.50	2.50
Phải thu ngắn hạn	438	580	586	638	493
Hàng tồn kho	254	211	188	245	249
Tài sản ngắn hạn khác	10.2	2.45	3.73	6.21	0.93
Tài sản dài hạn	**956**	**949**	**920**	**933**	**914**
Phải thu dài hạn	8.07	8.05	8.09	11.1	8.52
Tài sản cố định	882	859	830	835	800
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	14.7	21.6	25.2	30.0	48.9
Đầu tư tài chính dài hạn	26.7	40.0	39.0	39.0	39.2
Tài sản dài hạn khác	23.9	20.5	18.5	18.5	17.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,023**	**1,075**	**1,033**	**1,155**	**980**
Nợ ngắn hạn	**851**	**927**	**905**	**1,047**	**786**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	513	559	545	595	549
Phải trả người bán ngắn hạn	169	180	152	227	99.2
Nợ dài hạn	172	148	127	109	195
Vay và nợ thuê dài hạn	165	140	120	101	142
Nguồn vốn chủ sở hữu	**650**	**677**	**680**	**683**	**691**
Vốn chủ sở hữu	**650**	**677**	**680**	**683**	**691**
Vốn điều lệ	600	600	600	600	600
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)